

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIÁO DỤC

LÊ QUANG ĐÔN

QUẢN LÝ CÔNG TÁC SINH VIÊN NỘI TRÚ
TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI - CƠ SỞ HÀ NAM
TRONG BỐI CẢNH HIỆN NAY

LUẬN VĂN THẠC SĨ QUẢN LÝ GIÁO DỤC

HÀ NỘI - 2017

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIÁO DỤC

LÊ QUANG ĐÔN

QUẢN LÝ CÔNG TÁC SINH VIÊN NỘI TRÚ
TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI - CƠ SỞ HÀ NAM
TRONG BỐI CẢNH HIỆN NAY

LUẬN VĂN THẠC SĨ QUẢN LÝ GIÁO DỤC
Chuyên ngành: Quản lý giáo dục
Mã số: 60 14 01 14

Người hướng dẫn khoa học: PGS. TS. Nguyễn Thành Vinh

HÀ NỘI - 2017

LỜI CẢM ƠN

Với tình cảm chân thành, tác giả luận văn xin được bày tỏ lòng biết ơn của mình tới Ban Giám hiệu, Phòng Đào tạo, Khoa Quản lý Giáo dục và các Khoa - Phòng trực thuộc Trường Đại học Giáo dục - ĐHQGHN cùng toàn thể các thầy cô giáo đã trực tiếp giảng dạy và giúp đỡ tôi trong suốt quá trình học tập, nghiên cứu và hoàn thành luận văn.

Tôi cũng xin chân thành cảm ơn sự quan tâm và tạo điều kiện của Ban Giám hiệu, Ban Quản lý KTX, các Phòng, Ban, Khoa, Đoàn trường, cán bộ, giảng viên, nhân viên và các em sinh viên của Trường ĐHSP Hà Nội - cơ sở Hà Nam cũng như gia đình, bạn bè, đồng nghiệp đã tạo điều kiện về thời gian và giúp đỡ tôi trong suốt quá trình học tập và nghiên cứu.

Đặc biệt, tôi xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc của mình tới **PGS.TS. Nguyễn Thành Vinh** đã chỉ bảo tận tình, trực tiếp giúp đỡ, động viên để tôi thực hiện đề tài và hoàn thành luận văn này.

Mặc dù đã rất cố gắng nhưng trong quá trình thực hiện đề tài những thiếu sót là điều không thể tránh khỏi. Vì vậy, tôi rất mong nhận được sự góp ý của các thầy cô giáo, bạn bè đồng nghiệp và những người quan tâm đến vấn đề được trình bày trong luận văn.

Mặc dù đã có nhiều cố gắng trong quá trình học tập, nghiên cứu song luận văn chắc chắn sẽ không tránh khỏi những hạn chế, thiếu sót. Tôi rất mong nhận được sự góp ý, chỉ dẫn của các thầy giáo, cô giáo và các bạn bè đồng nghiệp.

Hà Nội, ngày 15 tháng 01 năm 2017

TÁC GIẢ

Lê Quang Đôn

DANH MỤC CÁC KÝ HIỆU, CÁC CHỮ VIẾT TẮT

Chữ viết tắt	Chữ viết đầy đủ
BQL:	Ban quản lý
BQL KTX:	Ban quản lý ký túc xá
CB:	Cán bộ
CBQL:	Cán bộ quản lý
CĐ:	Cao đẳng
CĐSP:	Cao đẳng Sư phạm
CSVC:	Cơ sở vật chất
CTQL:	Công tác quản lý
CTSV:	Công tác sinh viên
CTSVNT:	Công tác sinh viên nội trú
ĐH:	Đại học
ĐHSP:	Đại học Sư phạm
GD&ĐT:	Giáo dục và Đào tạo
GV:	Giảng viên
GVCN:	Giáo viên chủ nhiệm
HSSV:	Học sinh sinh viên
KTX:	Ký túc xá
QL:	Quản lý
QL CTSVNT:	Quản lý công tác sinh viên nội trú
QLSV:	Quản lý sinh viên
SV:	Sinh viên
SVNT:	Sinh viên nội trú

MỤC LỤC

Lời cảm ơn	i
Danh mục các ký hiệu, các chữ viết tắt.....	ii
Mục lục.....	iii
Danh mục bảng.....	vii
Danh mục biểu đồ	ix
MỞ ĐẦU	1
1. Lý do chọn đề tài.....	1
2. Câu hỏi nghiên cứu	2
3. Giả thuyết nghiên cứu	3
4. Mục đích nghiên cứu.....	3
5. Khách thể và đối tượng nghiên cứu	3
6. Nhiệm vụ nghiên cứu.....	3
7. Phạm vi nghiên cứu.....	3
8. Phương pháp nghiên cứu.....	4
9. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn đề tài	5
10. Cấu trúc của luận văn.....	5
CHƯƠNG 1.....	6
CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LÝ VỀ QUẢN LÝ CÔNG TÁC.....	6
SINH VIÊN NỘI TRÚ Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC VÀ CAO ĐẲNG.....	6
1.1. Tổng quan vấn đề nghiên cứu	6
1.2. Một số khái niệm cơ bản	9
1.2.1. Quản lý	9
1.2.2. Quản lý giáo dục	10
1.2.3. Quản lý nhà trường	11
1.2.4. Sinh viên và sinh viên nội trú	11
1.3. Vị trí, vai trò và cơ sở pháp lý của quản lý công tác sinh viên ở các trường đại học, cao đẳng	14

1.3.1. Vị trí, vai trò của quản lý công tác sinh viên trong các trường đại học, cao đẳng.....	14
1.3.2. Cơ sở pháp lý của quản lý công tác sinh viên trong trường đại học, cao đẳng.....	16
1.4. Nội dung quản lý công tác sinh viên nội trú trong các trường đại học, cao đẳng.....	17
1.4.1. Mục tiêu của công tác quản lý công tác sinh viên nội trú trong các trường đại học, cao đẳng	17
1.4.2. Nội dung quản lý công tác sinh viên nội trú.....	18
1.5. Những yếu tố ảnh hưởng đến quản lý công tác sinh viên nội trú ở trường đại học, cao đẳng	21
1.5.1. Môi trường xã hội	21
1.5.2. Cơ chế, chính sách liên quan đến công tác quản lý sinh viên nội trú.....	22
1.5.3. Nhận thức và năng lực, phẩm chất của lực lượng tham gia.....	25
1.5.4. Điều kiện trang thiết bị, cơ sở vật chất phục vụ	26
Tiểu kết chương 1.....	27
CHƯƠNG 2.....	28
THỰC TRẠNG QUẢN LÝ CÔNG TÁC SINH VIÊN NỘI TRÚ	28
TẠI TRƯỜNG ĐHSP HÀ NỘI - CƠ SỞ HÀ NAM.....	28
2.1. Khái quát về Trường ĐHSP Hà Nội - cơ sở Hà Nam.....	28
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển	28
2.1.2. Chức năng, nhiệm vụ	30
2.1.3. Cơ cấu tổ chức bộ máy của nhà trường	30
2.1.4. Quy mô và chất lượng đào tạo	32
2.1.5. Đội ngũ giảng viên, nhân viên và cơ sở vật chất của nhà trường	35
2.2. Chức năng nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Ban Quản KTX	37
2.2.1. Chức năng, nhiệm vụ của Ban quản lý và các tổ trực thuộc.....	37
2.2.2. Cơ cấu tổ chức và nhân sự	39
2.3. Thực trạng quản lý công tác sinh viên nội trú tại Trường ĐHSP Hà Nội - cơ sở Hà Nam	40
2.3.1. Giới thiệu về quá trình nghiên cứu thực trạng	40

2.3.2. Thực trạng sinh viên nội trú tại Trường ĐHSP Hà Nội - cơ sở Hà Nam	41
2.3.3. Thực trạng quản lý công tác sinh viên nội trú tại Trường ĐHSP Hà Nội - cơ sở Hà Nam	51
2.4. Đánh giá thực trạng về quản lý công tác sinh viên nội trú của Trường ĐHSP Hà Nội - cơ sở Hà Nam	68
2.4.1. Những mặt mạnh và mặt hạn chế.....	68
2.4.2. Nguyên nhân	71
Tiểu kết chương 2.....	73
CHƯƠNG 3.....	74
BIỆN PHÁP QUẢN LÝ CÔNG TÁC SINH VIÊN NỘI TRÚ	74
TẠI TRƯỜNG ĐHSP HÀ NỘI - CƠ SỞ HÀ NAM.....	74
3.1. Những nguyên tắc đề xuất các biện pháp	74
3.1.1. Nguyên tắc đảm bảo tính thực tiễn và tính khả thi	74
3.1.2. Nguyên tắc đảm bảo tính hiệu quả.....	74
3.1.3. Nguyên tắc đảm bảo tính toàn diện.....	74
3.2. Một số biện pháp quản lý công tác sinh viên nội trú tại Trường ĐHSP Hà Nội - cơ sở Hà Nam.....	75
3.2.1. Hoàn thiện tổ chức nhân sự quản lý công tác sinh viên và các văn bản của Nhà trường quy định về QL CTSVNT khi sáp nhập thành Trường ĐHSP Hà Nội - cơ sở Hà Nam	75
3.2.2. Quản lý hoạt động tổ chức, tuyên truyền nhận thức cho cán bộ, nhân viên quản lý KTX và SVNT về tầm quan trọng của QL CTSVNT trong điều kiện mới.....	78
3.2.3. Kế hoạch hóa công tác quản lý công tác sinh viên nội trú	79
3.2.4. Đa dạng hóa các hoạt động giáo dục chính trị , tư tưởng, đạo đức nghề nghiệp, lối sống cho sinh viên nội trú	82
3.2.5. Đổi mới quản lý các hoạt động hỗ trợ sinh viên trong khu Ký túc xá	85
3.2.6. Đa dạng hóa các nội dung, hình thức tổ chức hoạt động tự học và các hoạt động văn nghệ - thể thao, giao lưu, sinh hoạt tập thể cho sinh viên nội trú	87

3.2.7. Tổ chức kiểm tra, đánh giá trên cơ sở các tiêu chí cụ thể để khen thưởng, kỷ luật phù hợp	88
3.2.8. Ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý công tác sinh viên nội trú	90
3.3. Mối quan hệ giữa các biện pháp	93
3.4. Khảo nghiệm tính cần thiết và khả thi của các biện pháp.....	94
3.4.1. Mục đích, nội dung, đối tượng khảo nghiệm.....	94
3.4.2. Kết quả khảo nghiệm	95
Tiểu kết chương 3.....	99
KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ.....	100
1. Kết luận	100
1.1. Về lý luận	100
1.2. Về thực tiễn.....	100
2. Một số khuyến nghị.....	101
2.1. Đối với Bộ Giáo dục và Đào tạo.....	101
2.2. Đối với Đảng ủy, Hội đồng Trường, Ban Giám hiệu nhà trường.....	102
2.3. Đối với các đơn vị trong nhà trường.....	102
2.4. Đối với Ban Quản lý Ký túc xá.....	102
2.5. Đối với gia đình sinh viên.....	103
TÀI LIỆU THAM KHẢO	104
PHỤ LỤC	106

DANH MỤC BẢNG

Bảng 2.1. Qui mô đào tạo hiện nay (năm học 2015-2016).....	32
Bảng 2.2. Kết quả học tập của sinh viên.....	33
Bảng 2.3. Kết quả rèn luyện của sinh viên	34
Bảng 2.4. Trình độ chuyên môn của giảng viên, nhân viên	35
Bảng 2.5. Thống kê cơ cấu SV nội trú của Trường ĐHSP Hà Nội - cơ sở Hà Nam.....	41
Bảng 2.6. Kết quả về chất lượng đào tạo hệ chính quy của SV khu nội trú...	44
Bảng 2.7. Kết quả rèn luyện của SV của sinh viên khu nội trú	44
Bảng 2.8. Tổng hợp kết quả khảo sát thực trạng sử dụng cho hoạt động..... ngoài chính khóa của SV nội trú.....	45
Bảng 2.9. Ý kiến của SV về lý do ở nội trú	49
Bảng 2.10. Những thuận lợi của SV trong điều kiện ở nội trú	50
Bảng 2.11. Những khó khăn của SV trong điều kiện ở nội trú.....	50
Bảng 2.12. Đánh giá của cán bộ, giảng viên ĐHSP Hà Nội – cơ sở Hà Nam về mức độ cần thiết của QL CTSVNT.	55
Bảng 2.13. Đánh giá của SV Trường ĐHSP Hà Nội – cơ sở Hà Nam về mức độ cần thiết của công tác QLSV nội trú.....	56
Bảng 2.14. Đánh giá của cán bộ địa phương về mức độ cần thiết..... của CTSVNT.....	57
Bảng 2.15. Nhận xét của SV về các điều kiện CSVC của phòng ở.....	58
Bảng 2.16. Đánh giá mức độ thực hiện công tác lập kế hoạch QL CTSVNT ở Trường ĐHSP Hà Nội – cơ sở Hà Nam.	60
Bảng 2.17. Đánh giá mức độ thực hiện công tác tổ chức thực hiện kế hoạch QL CTSVNT ở Trường ĐHSP Hà Nội – cơ sở Hà Nam.....	61
Bảng 2.18. Đánh giá mức độ thực hiện công tác chỉ đạo thực hiện kế hoạch QL CTSVNT ở Trường ĐHSP Hà Nội – cơ sở Hà Nam.....	63
Bảng 2.19. Đánh giá mức độ thực hiện công tác kiểm tra thực hiện kế hoạch QL CTSVNT ở Trường ĐHSP Hà Nội - cơ sở Hà Nam.....	65

Bảng 2.20. Đánh giá mức độ thực hiện công tác phối hợp.....	66
trong QL CTSVNT ở Trường ĐHSP Hà Nội – cơ sở Hà Nam.....	66
Bảng 3.1. Đánh giá tính cần thiết của các biện pháp	95
Bảng 3.2. Đánh giá tính khả thi của các biện pháp.....	96
Bảng 3.3. So sánh sự tương quan giữa mức độ cần thiết.....	98
và tính khả thi của các biện pháp QL CTSVNT	98

DANH MỤC BIỂU ĐỒ

Biểu đồ 3.1. So sánh sự tương quan giữa mức độ cần thiết và tính khả thi của các biện pháp QL CTSVNT	98
--	----

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Hiện nay, trước những yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đất nước theo Nghị quyết Hội nghị lần thứ 8, Ban Chấp hành Trung ương khóa XI (Nghị quyết số 29-NQ/TW), trong các nhiệm vụ và giải pháp cụ thể, Đảng ta đã đưa ra giải pháp thứ hai là: *“Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ và đồng bộ các yếu tố cơ bản của giáo dục, đào tạo theo hướng coi trọng phát triển phẩm chất, năng lực của người học”*.

Giáo dục ĐH có một sứ mệnh rất to lớn là đào tạo nguồn nhân lực để phát triển đất nước theo yêu cầu của Đảng. Giáo dục ĐH không chỉ nghiêng về đào tạo kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp mà phải hết sức chú ý đến giáo dục đạo đức, lý tưởng làm người. Đối với sinh viên cần giáo dục cho họ những kỹ năng nghề nghiệp bên cạnh đó phải coi trọng giáo dục những phẩm chất nhân cách thông qua các hoạt động ngoài giờ học trên lớp. Như vậy những sinh viên nội trú trong trường ĐH - là đối tượng cần quan tâm giáo dục. Muốn vậy nhà trường đại học phải coi trọng việc QLCTSV, đây là một nhiệm vụ quan trọng, phức tạp, nặng nề có tác động mạnh mẽ đối với chất lượng đào tạo của các trường ĐH.

Thực tế hiện nay, Trường ĐHSP Hà Nội - cơ sở Hà Nam, trước đây là Trường CĐSP Hà Nam đang có một khu nội trú với diện tích là 27.232 m², có 3 nhà ở sinh viên (5 tầng), nhà tập đa năng và sân bóng đá cỏ nhân tạo. Với điều kiện cơ sở vật chất tương đối khang trang, hiện đại, có thể đáp ứng được nhu cầu ở nội trú của khoảng 800 sinh viên/138 phòng ở. Trong những năm vừa qua, nhà trường luôn coi trọng việc nâng cao chất lượng QLCTSVNT, đảm bảo tốt việc ăn ở, sinh hoạt và học tập, rèn luyện của các em trong quá trình học tập tại trường.

Tuy nhiên, với mô hình hoạt động mới của nhà trường trong giai đoạn tới, quy mô, loại hình đào tạo ngày một tăng, trong thời kỳ đổi mới giáo dục mạnh mẽ hiện nay, việc giáo dục sinh viên trong học tập, tu dưỡng rèn luyện, nâng cao ý thức đạo đức nắm vững kiến thức, kỹ năng chuyên môn đòi hỏi hệ thống tổ chức, đội ngũ, biện pháp quản lý, sự phối hợp của các phòng ban chức năng trong việc QLCTSV là những vấn đề mà nhà trường đang quan tâm, tìm những biện pháp để giải quyết.

Đối với việc QL CTSVNT hiện nay của nhà trường, do SV ngày càng tăng, phần lớn các em đều ở các huyện, thị lên thành phố học nên nhu cầu được ở trong KTX cũng tăng lên. Mặc dù nhà trường đã trú trọng đầu tư sửa chữa, mở rộng, nâng cấp cơ sở vật chất hạ tầng để tạo nhiều chỗ ở hơn, song vì diện tích sân bãi còn hẹp nên không giải quyết được tất cả các nhu cầu xin ở KTX của SV. Nhà trường đã quan tâm chỉ đạo thực hiện QL CTSVNT, tuy nhiên phần lớn SV xuất thân từ nông thôn, lần đầu sống xa gia đình, nên sự định hướng về giá trị sống gặp rất nhiều khó khăn. Một số SV bị ảnh hưởng bởi mặt trái của cơ chế thị trường, không làm chủ được bản thân, đã có những biểu hiện xuống cấp về đạo đức. Việc quản lý thời gian ngoài giờ lên lớp của SVNT vẫn chưa được quan tâm đúng mực, các điều kiện hỗ trợ, đảm bảo cho việc tự học và sinh hoạt của SV còn thiếu. Các hoạt động được tổ chức trong KTX chưa lôi cuốn được SV tham gia nhằm hạn chế các tệ nạn xã hội. Bên cạnh đó, mặc dù đội ngũ cán bộ, nhân viên KTX đã được bổ sung về số lượng nhưng vẫn còn hạn chế về mặt nhận thức cũng như năng lực chuyên môn, nghiệp vụ trong công tác QLSV dẫn đến hiệu quả quản lý các hoạt động của KTX còn nhiều thiếu sót.

Cũng như các trường ĐH, CĐ khác, hoạt động quản lý SV ở Trường ĐHSPT Hà Nội - cơ sở Hà Nam gặp nhiều vấn đề phức tạp cả về lý luận và thực tiễn, đòi hỏi cần phải nghiên cứu và giải quyết. Các nhà quản lý cần xác định được mục đích, nội dung, biện pháp QL CTSVNT một cách có hiệu quả, giúp SV học tập và rèn luyện để hình thành năng lực nghề nghiệp và hoàn thiện nhân cách đáp ứng yêu cầu của xã hội hiện nay là một việc làm cần thiết và cấp bách. Xuất phát từ những lý do trên, với mong muốn ứng dụng những kiến thức quản lý đã học cũng như với kinh nghiệm của bản thân, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo và hiệu quả quản lý của nhà trường, chúng tôi chọn đề tài: ***"Quản lý công tác sinh viên nội trú tại Trường Đại học Sư phạm Hà Nội - cơ sở Hà Nam trong bối cảnh hiện nay"*** làm đề tài nghiên cứu.

2. Câu hỏi nghiên cứu

Quản lý công tác sinh viên nội trú trong các trường đại học là quản lý những gì? Có vai trò gì trong thực hiện mục tiêu giáo dục ở các trường đại học?

Thực trạng việc QL CTSVNT tại Trường ĐHSP Hà Nội - cơ sở Hà Nam hiện nay như thế nào?

Trong bối cảnh hiện nay, cần có các biện pháp nào có thể QL CTSVNT đạt hiệu quả cao tại Trường ĐHSP Hà Nội - cơ sở Hà Nam?

3. Giả thuyết nghiên cứu

Quản lý CTSVNT tại Trường ĐHSP Hà Nội - cơ sở Hà Nam trong bối cảnh hiện nay vẫn còn những hạn chế nhất định. Nếu xây dựng được các biện pháp QL CTSVNT khả thi và phù hợp với yêu cầu đổi mới công tác quản lý của nhà trường thì công tác QL CTSVNT của trường sẽ có hiệu quả hơn, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường.

4. Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và kết quả khảo sát, đánh giá thực trạng QL CTSVNT tại Trường ĐHSP Hà Nội - cơ sở Hà Nam, nghiên cứu, đề xuất các biện pháp quản lý nhằm nâng cao hiệu quả trong công tác sinh viên nội trú, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của Trường ĐHSP Hà Nội - cơ sở Hà Nam.

5. Khách thể và đối tượng nghiên cứu

5.1. Khách thể nghiên cứu

Công tác sinh viên nói chung và hoạt động của sinh viên nội trú nói riêng tại Trường ĐHSP Hà Nội - cơ sở Hà Nam.

5.2. Đối tượng nghiên cứu

Biện pháp quản lý công tác sinh viên nội trú tại Trường ĐHSP Hà Nội - cơ sở Hà Nam.

6. Nhiệm vụ nghiên cứu

6.1. Nghiên cứu cơ sở lý luận về QL CTSVNT tại các trường đại học, cao đẳng.

6.2. Khảo sát, đánh giá thực trạng và nguyên nhân ảnh hưởng đến QL CTSVNT tại Trường ĐHSP Hà Nội - cơ sở Hà Nam.

6.3. Đề xuất biện pháp QL CTSVNT tại Trường ĐHSP Hà Nội - cơ sở Hà Nam.

7. Phạm vi nghiên cứu

Nghiên cứu, điều tra, khảo sát hoạt động QL CTSVNT và các biện pháp QL CTSVNT trong giai đoạn hiện nay tại Trường ĐHSP Hà Nội - cơ sở Hà

Nam. Từ đó đề xuất một số biện pháp nâng cao chất lượng QL CTSVNT tại Trường ĐHSP Hà Nội - cơ sở Hà Nam trong giai đoạn hiện nay.

8. Phương pháp nghiên cứu

8.1. Nhóm phương pháp nghiên cứu lý luận

- Phương pháp phân tích, tổng hợp: Chọn lọc các quan điểm lý thuyết, quan niệm khoa học, hệ thống các văn bản (Luật Giáo dục, Điều lệ trường cao đẳng, các văn bản pháp quy, quy chế về lĩnh vực GD&ĐT và GD đại học, cao đẳng, các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, Nhà nước, các Bộ, Ban ngành đoàn thể, ...), các tài liệu, báo cáo tổng hợp của nhà trường về QL CTSVNT và các tài liệu khác có liên quan đến việc nghiên cứu.

- Phương pháp mô hình hoá: Xây các mô hình giả định về các giải pháp QLSV nội trú và dựa trên mô hình đó để nghiên cứu trở lại đối tượng.

8.2. Nhóm phương pháp nghiên cứu thực tiễn

- *Phương pháp quan sát:*

Quan sát hoạt động QL CTSV tại khu nội trú (Kí túc xá) của nhà trường.

- *Phương pháp phỏng vấn, điều tra bảng hỏi:*

Trao đổi ý kiến với cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên, sinh viên trong nhà trường để có các ý kiến trực tiếp và tranh thủ các gợi ý, đề xuất hỗ trợ cho người nghiên cứu trong quá trình thực hiện đề tài.

Xây dựng các mẫu phiếu điều tra, bảng hỏi, xác định đối tượng khảo sát và triển khai thực hiện.

- *Thực nghiệm, thử nghiệm, khảo nghiệm:*

Đưa các giải pháp mới áp dụng vào việc QL CTSVNT trong nhà trường, sau đó có sự tổng kết, thống kê, so sánh, rút ra kết luận về tính hiệu quả của các giải pháp. Từ đó có các kết luận, bài học kinh nghiệm và các giải pháp phù hợp, hiệu quả trong công tác quản lý nâng cao chất lượng QLSV tại khu nội trú trong nhà trường.

- *Phương pháp tổng kết kinh nghiệm:*

Đánh giá những thành công và những bài học trong công tác quản lý nâng cao chất lượng QL CTSVNT tại Trường ĐHSP Hà Nội - cơ sở Hà Nam trong giai đoạn hiện nay.

9. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn đề tài

9.1. Ý nghĩa lý luận

Hệ thống hóa các lý luận QL CTSVNT, chỉ ra những bài học thành công và mặt hạn chế, cung cấp cơ sở khoa học để có đề xuất các biện pháp QL CTSVNT tại trường đại học, cao đẳng.

9.2. Ý nghĩa thực tiễn

Đề xuất những biện pháp quản lý phù hợp với thực tế và có tính khả thi giúp việc QL CTSVNT tại Trường ĐHSP Hà Nội - cơ sở Hà Nam đạt kết quả tốt nhất.

10. Cấu trúc của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và khuyến nghị, tài liệu tham khảo và phụ lục, luận văn dự kiến được trình bày theo 3 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận về quản lý công tác sinh viên nội trú ở trường đại học.

Chương 2: Thực trạng quản lý công tác sinh viên nội trú tại Trường ĐHSP Hà Nội - cơ sở Hà Nam.

Chương 3: Biện pháp quản lý công tác sinh viên nội trú tại Trường ĐHSP Hà Nội - cơ sở Hà Nam.

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LÝ VỀ QUẢN LÝ CÔNG TÁC SINH VIÊN NỘI TRÚ Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC VÀ CAO ĐẲNG

1.1. Tổng quan vấn đề nghiên cứu

Trong công tác quản lý ở các trường ĐH và CĐ, để đạt mục đích nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội thì ngoài việc quản lý hiệu quả các mặt về người dạy, nội dung, chương trình, phương pháp giảng dạy, cơ sở vật chất... thì không thể không quan tâm đến đối tượng người học. Bởi vì người học chính là nhân vật trung tâm và sẽ là sản phẩm, là thương hiệu của một nhà trường. Tất cả các hoạt động của nhà trường đều phải hướng tới người học, vì quyền lợi của người học. Xung quanh yếu tố người học có rất nhiều vấn đề cần nghiên cứu, trong đó có vấn đề quản lý người học trong quá trình học tập và sinh hoạt tại các cơ sở nội trú, các ký túc xá.

Trong những năm gần đây, quy mô đào tạo của các trường ĐH, CĐ tăng gấp nhiều lần so với trước đây. Trong khi đó việc xây dựng bổ sung thêm nhà ở, cơ sở vật chất còn nhiều hạn chế. Do vậy hiện nay KTX của các trường không thể đáp ứng được nhu cầu ở nội trú của số lượng lớn SV. Vấn đề nghiên cứu về QL CTSVNT ít được đề cập.

Năm 1997, Bộ GD&ĐT ban hành “Quy chế học sinh, SV nội trú trong các trường ĐH, CĐ, trung cấp chuyên nghiệp” nhằm quy định rõ trách nhiệm và quyền hạn của các trường trong việc tổ chức quản lý KNT, quyền và nghĩa vụ của học sinh, SV trong các khâu liên quan đến việc ăn, ở, học tập, sinh hoạt... trong khuôn viên nội trú của các trường đào tạo.

Để phù hợp với mục tiêu đào tạo trong tình hình mới, ngày 18 tháng 10 năm 2002, Bộ trưởng Bộ GD&ĐT đã ký Quyết định số 41/2002/QĐ- BGD&ĐT về việc sửa đổi bổ sung công tác HSSV nội trú.

Trên cơ sở các văn bản quy định của Nhà nước, quy chế về công tác HSSV của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành kèm theo Quyết định số 42/2007/QĐ- BGDĐT ngày 13 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, các quy chế về QLSV nội trú, ngoại trú. Quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của SV,

các văn bản về việc thực hiện chế độ ưu đãi trong giáo dục đối với SV diện đối tượng chính sách, chế độ miễn giảm học phí...

Ngày 26/7/2011, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ký Thông tư số 27/2011/TT-BGD&ĐT về việc Ban hành Quy chế công tác HSSV nội trú tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân. Thông tư này có hiệu lực thi hành ngày 10 tháng 8 năm 2011 và thay thế Quyết định số 2137/GD-ĐT ngày 29/6/1997 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế công tác HSSV nội trú trong các trường ĐH, CĐ, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề.

Để thực hiện những văn bản quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo, trong những năm gần đây đã có một số công trình nghiên cứu về vấn đề QLSV nội trú. Cụ thể như:

- Đề tài “*Các biện pháp tăng cường quản lý đời sống sinh viên nội trú Đại học Quốc gia Hà Nội*” của Đinh Thị Tuyết Mai, Luận văn Thạc sỹ Khoa học giáo dục, năm 2003, đã đưa ra một số hoạt động đặc thù của SV trong KTX, những yêu cầu và nội dung quản lý đời sống SV trong KTX, đồng thời đề xuất một số biện pháp tăng cường quản lý đời sống SVNT Đại học Quốc gia Hà Nội.

- Đề tài “*Các biện pháp quản lý sinh viên nội trú ở trường CĐSP Yên Bái*” của Bùi Sĩ Đức, Luận văn thạc sỹ khoa học giáo dục, năm 2007 đã đánh giá thực trạng công tác QLSV nội trú của Trường CĐSP Yên Bái và đề xuất một số giải pháp thích hợp nâng cao biện pháp QLSV nội trú.

- Đề tài “*Biện pháp quản lý nề nếp sinh hoạt của SVNT ở trường Cao đẳng Cộng Đồng Bắc Kạn*” của Lý Quang Vinh, Luận văn thạc sỹ khoa học giáo dục, năm 2011, cơ sở lý luận đã nêu lên được nội dung công tác quản lý SVNT, đồng thời đề xuất một số biện pháp quản lý nề nếp sinh hoạt của SVNT trường Cao đẳng Cộng Đồng Bắc Kạn.

- Đề tài “*Biện pháp quản lý học sinh nội trú ở Trường Trung cấp kỹ thuật nghiệp vụ Hải Phòng*” của Nguyễn Thị Xuân, Luận văn thạc sỹ quản lý giáo dục, năm 2011 đã đánh giá thực trạng công tác quản lý học sinh nội trú tại Trường Trung cấp kỹ thuật nghiệp vụ Hải Phòng và đề xuất một số giải pháp thích hợp nâng cao công tác quản lý đối với SV nội trú.

- Đề tài “*Biện pháp QLSV nội trú ở Trường CĐSP Hòa Bình*” của Nguyễn Thanh Bình, Luận văn thạc sỹ quản lý giáo dục, năm 2012 đã đánh giá thực trạng công tác QLSV nội trú của Trường CĐSP Hòa Bình và đề xuất một số giải pháp thích hợp nâng cao biện pháp QLSV nội trú.

- Đề tài “*Biện pháp quản lý hoạt động của Trung tâm Hỗ trợ sinh viên - Đại học Quốc gia Hà Nội*” của Phạm Đình Việt, Luận văn thạc sỹ quản lý giáo dục, năm 2012 đã đánh giá thực trạng công tác QLSV nội trú của Trung tâm Hỗ trợ sinh viên - Đại học Quốc gia Hà Nội và đề xuất một số giải pháp thích hợp nâng cao biện pháp QLSV nội trú.

- Đề tài “*Biện pháp quản lý sinh viên nội trú tại Trường Đại học Hàng hải Việt Nam*” của Nguyễn Thị Thu Thủy, Luận văn thạc sỹ quản lý giáo dục, năm 2013 đã đánh giá thực trạng công tác QLSV nội trú của Trường Đại học Hàng hải Việt Nam và đề xuất một số giải pháp thích hợp nâng cao biện pháp QLSV nội trú.

- Đề tài “*Quản lý sinh viên nội trú tại Trung tâm Hỗ trợ sinh viên Đại học Quốc gia Hà Nội trong bối cảnh hiện nay*” của Nguyễn Việt Hùng, Luận văn thạc sỹ quản lý giáo dục, năm 2014 đã đánh giá thực trạng công tác QLSV nội trú của Trung tâm Hỗ trợ sinh viên Đại học Quốc gia Hà Nội và đề xuất một số giải pháp thích hợp nâng cao biện pháp QLSV nội trú.

- Đề tài “*Các biện pháp tăng cường quản lý sinh viên nội trú Trường Cao đẳng Vĩnh Phúc*” của Nguyễn Thị Thu, Luận văn thạc sỹ quản lý giáo dục, năm 2015 đã đánh giá thực trạng công tác QLSV nội trú của Trường Cao đẳng Vĩnh Phúc và đề xuất một số giải pháp thích hợp nâng cao biện pháp QLSV nội trú.

Những nghiên cứu trên đã tìm hiểu thực trạng công tác QLSV trong đó có QLSV nội trú và từ đó đề xuất các biện pháp quản lý. Tuy nhiên, những nghiên cứu cụ thể áp dụng trong những môi trường cụ thể, của từng trường trong khi đó công tác QLSV nội trú lại phụ thuộc vào đặc thù của từng nhà trường.

Tuy nhiên, có thể thấy rằng mỗi trường ĐH, CĐ đều có những đặc thù riêng, sinh viên nói chung và SVNT nói riêng cũng có nhiều đặc điểm rất khác nhau nên những biện pháp QL CTSVNT cần được đề xuất trên cơ sở nghiên cứu tình hình thực tế của mỗi trường. Trong bối cảnh hiện nay, Trường ĐHSK Hà Nội - cơ sở Hà Nam cũng gặp phải vấn đề trong công tác QLSV như các trường khác

nói chung nhưng xuất phát từ đặc điểm riêng của Nhà trường nên không thể áp dụng biện pháp quản lý của một trường khác.

Trên cơ sở những thành quả nghiên cứu trên của các tác giả, tác giả đề tài sẽ kế thừa để nghiên cứu lí luận về QLCTSV, QL CTSVNT làm cơ sở nghiên cứu thực tiễn và vận dụng để xây dựng các biện pháp quản lý sinh viên nội trú ở Trường ĐHSP Hà Nội - cơ sở Hà Nam nhằm nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường.

1.2. Một số khái niệm cơ bản

1.2.1. Quản lý

Quản lý là một hoạt động xuất hiện từ lâu trong xã hội loài người và hoạt động ngày càng phát triển trong xã hội. Trong quá trình lãnh đạo, đấu tranh với thiên nhiên để sinh tồn và phát triển, con người cần phải hợp sức nhau lại để tự bảo vệ và kiếm kế sinh sống. Những hoạt động tổ chức, chỉ đạo, điều khiển... các hoạt động của con người nhằm thực hiện những mục tiêu chung là những dấu hiệu đầu tiên của quản lý.

Tác giả Nguyễn Quốc Chí và Nguyễn Thị Mỹ Lộc: *“Quản lý là sự tác động có định hướng, có chủ đích của chủ thể quản lý (người quản lý) đến khách thể quản lý (người bị quản lý), trong tổ chức - nhằm làm cho tổ chức vận hành và đạt được mục đích của tổ chức”*. Cũng theo đó các tác giả còn phân định rõ hơn về hoạt động quản lý: *“Là quá trình đạt đến mục tiêu của tổ chức bằng cách vận dụng các hoạt động (chức năng) kế hoạch hoá, tổ chức, chỉ đạo (lãnh đạo) và kiểm tra”* 6, tr. 11].

Trong cuốn: *“Khoa học tổ chức và quản lý”* của nhiều tác giả: Đặng Quốc Bảo, Nguyễn Văn Bình, Nguyễn Quốc Chí, cho rằng: *“Hoạt động quản lý nhằm làm cho hệ thống vận động theo mục tiêu đặt ra tính đến trạng thái có chất lượng mới”* [1, tr. 176].

Theo Nguyễn Bá Sơn: *“Quản lý là tác động có mục đích đến tập thể những con người để tổ chức và phối hợp hoạt động của họ trong quá trình lao động”* [24; tr 15].

Mặc dù có nhiều cách hiểu khác nhau, cách diễn đạt khác nhau về quản lý, song một cách tổng quát nhất có thể khái quát: Quản lý là cách thức tác động (sự tác động có tổ chức, có mục đích...) của chủ thể quản lý lên chủ thể bị quản lý

bằng các chế định xã hội, bằng tổ chức nguồn nhân lực, tài lực và vật lực, phẩm chất, uy tín của cơ quan quản lý hoặc người quản lý nhằm sử dụng có hiệu quả nhất các tiềm năng, các cơ hội của tổ chức để đạt được mục đích trong điều kiện môi trường luôn biến động.

1.2.2. Quản lý giáo dục

Giáo dục là một hiện tượng xã hội đặc biệt, bản chất của nó là sự truyền đạt và lĩnh hội kinh nghiệm lịch sử - xã hội của các thế hệ loài người, nhờ có giáo dục mà các thế hệ nối tiếp nhau phát triển, tinh hoa văn hóa dân tộc và nhân loại được kế thừa, bổ sung và trên cơ sở đó mà xã hội loài người không ngừng tiến lên [33, tr. 9].

Quản lý giáo dục là một loại hình quản lý xã hội, tức là quản lý mọi hoạt động giáo dục trong xã hội.

Có nhiều tác giả đưa ra khái niệm về quản lý giáo dục theo cách tiếp cận khác nhau:

Theo tác giả Khuđôminski: *“Quản lý giáo dục là tác động có hệ thống, có kế hoạch, có ý thức và có mục đích của chủ thể quản lý ở các cấp khác nhau đến tất cả các khâu của hệ thống nhằm mục đích đảm bảo việc giáo dục công sản chủ nghĩa cho thế hệ trẻ, đảm bảo sự phát triển toàn diện và hài hòa của họ. Trên cơ sở nhận thức và sử dụng các quy luật chung vốn có của CNXH cũng như những quy luật khách quan của quá trình dạy học - giáo dục, của sự phát triển về thể chất và tâm lý của trẻ em, thiếu niên cũng như thanh niên”* [18, tr. 10 - Trần Kiểm].

Nói một cách khái quát: *“Quản lý giáo dục là một hiện tượng xã hội, đồng thời là một dạng lao động đặc biệt, mà những nét đặc trưng của nó là tính tích cực sáng tạo, năng lực vận dụng những tri thức đã có để đạt mục đích đặt ra có kết quả là sự cải biến hiện thực. Do đó chủ thể quản lý phải biết sử dụng không chỉ những chuẩn mực pháp quyền, mà còn sử dụng cả những chuẩn mực đạo đức, xã hội, tâm lý... nhằm đảm bảo sự thống nhất và những mối quan hệ trong quá trình quản lý”* [16, tr. 18].

Tuỳ theo việc xác định đối tượng quản lý mà quản lý giáo dục có nhiều cấp độ khác nhau cả về tầm vĩ mô và tầm vi mô. Ở tầm vĩ mô, là quản lý hệ thống

giáo dục quốc dân (tầm quốc gia), trong phạm vi một cơ sở giáo dục, người ta thường nói đến quản lý nhà trường hay còn gọi là quản lý trường học.

1.2.3. Quản lý nhà trường

Nhà trường là thiết chế xã hội, là một tổ chức chuyên biệt trong xã hội thực hiện chức năng tái tạo nguồn nhân lực phục vụ cho sự duy trì và phát triển của xã hội bằng các con đường giáo dục cơ bản.

Quản lý nhà trường thực chất là quản lý giáo dục trên tất cả các mặt liên quan đến hoạt động giáo dục trong phạm vi nhà trường. Đó là một hệ thống những hoạt động có mục đích, có kế hoạch hợp quy luật của chủ thể quản lý giáo dục để đạt tới mục tiêu giáo dục đặt ra trong từng giai đoạn phát triển của đất nước.

Trong Luận văn này, chúng tôi dựa theo tác giả Phạm Minh Hạc: “*Quản lý nhà trường ở Việt Nam là thực hiện đường lối giáo dục của Đảng trong phạm vi trách nhiệm của mình, tức là đưa nhà trường vận hành theo nguyên lý giáo dục, để tiến tới mục tiêu giáo dục, mục tiêu đào tạo đối với ngành giáo dục với thế hệ trẻ và từng học sinh*” [14, tr. 22].

Nói cách khác quản lý nhà trường chính là quá trình tổ chức giáo dục và đào tạo nhằm hoàn thiện và phát triển nhân cách của học sinh một cách khoa học, có hiệu quả, đạt chuẩn để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội.

1.2.4. Sinh viên và sinh viên nội trú

1.2.4.1. Sinh viên

Nguồn gốc của từ sinh viên được hiểu theo nghĩa tiếng Pháp étudiant: người nghiên cứu. Tiếng Anh, tiếng Đức, tiếng Nga,... cũng đồng nghĩa như vậy. Danh từ étudiant của tiếng Pháp phát sinh từ danh từ mẹ là étude (sự nghiên cứu), ngữ nguyên ở tiếng La Tinh là studium nghĩa là: sự vận dụng trí não để học hỏi hiểu biết và đào sâu một vấn đề.

Sinh viên là người học tập tại các học viện, các trường ĐH, CĐ. Ở đó họ được truyền đạt kiến thức bài bản về một ngành nghề, chuẩn bị cho công việc sau này của họ. Họ được xã hội công nhận qua những bằng cấp đạt được trong quá trình học.

Điều 83 Luật giáo dục năm 2005 quy định: Người học là người đang học tập tại cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân. Trong đó đã xác định:

- Sinh viên của trường CĐ, trường ĐH.
- Học viên của cơ sở đào tạo thạc sỹ.
- Nghiên cứu sinh của cơ sở đào tạo tiến sỹ.
- Học viên theo học chương trình giáo dục thường xuyên.

Như vậy, tất cả những người học ở bậc CĐ và ĐH đều được gọi là sinh viên [23, tr. 19].

Tuy nhiên, trong giới hạn của đề tài này chỉ nghiên cứu với đối tượng là sinh viên hệ chính quy thì có thể thu hẹp nội hàm của khái niệm này như sau:

- Đó là những người đã tốt nghiệp trung học phổ thông.
- Người đã vượt qua kỳ thi tuyển sinh vào trường ĐH và đỗ vào trường.
- Người thuộc nhóm thanh niên, nam nữ từ 18 đến 25 tuổi.
- Người chưa có nghề nghiệp, việc làm xác định do đó còn lệ thuộc gia đình về kinh tế.

- Người là nhóm xã hội đặc biệt gồm những thanh niên xuất thân từ các tầng lớp xã hội khác nhau đang trong quá trình học tập, chuẩn bị nghề nghiệp chuyên môn để bước vào một nhóm xã hội mới là tầng lớp tri thức trẻ...

Khi bước chân vào trường ĐH, CĐ, SV có sự thay đổi rất lớn về môi trường học tập và sinh hoạt. Đó là, khi ở gia đình và học ở trường phổ thông, họ có sự giám sát, quản lý chặt chẽ của cha mẹ, thầy cô giáo. Nhưng đến trường ĐH, CĐ thì không còn khép kín như thế. Vì ở môi trường ĐH, CĐ, SV có tính chủ động cao, cùng với sự trưởng thành về xã hội, về tâm - sinh lý; qua đó nhiều nhu cầu được khơi dậy và xuất hiện, phát triển theo hướng đa dạng, phong phú hơn như: nhu cầu tìm hiểu, mở rộng kiến thức tăng lên, nhu cầu đời sống vật chất và tinh thần (tình bạn, tình yêu...), nhu cầu được học tập, tự học, tự đào tạo, rèn luyện để bản thân tự khẳng định, hoàn thiện vị trí của mình (theo định hướng cho nghề nghiệp tương lai sau khi tốt nghiệp để vào đời).

SV là những người đang ở độ tuổi thanh niên. Đây là giai đoạn tâm - sinh lý của các em phát triển mạnh nên đại bộ phận SV còn nông nổi, thiếu kinh

nghiệm cuộc sống... Do đó, SV đánh giá các hiện tượng đời sống xã hội một cách nông cạn nên dễ có thái độ cực đoan đối với các sự việc này. Nhận thức cũng chưa đầy đủ, dễ bị kích động và lôi kéo khi những gì vượt qua phạm vi của khái niệm khoa học hạn hẹp đã học. Đây là một trong những nhược điểm mà nhà trường, các nhà giáo dục cần lưu ý để khắc phục và hướng các em đi đúng mục tiêu đào tạo.

1.2.4.2. Sinh viên nội trú

SVNT là những sinh viên ĐH, CĐ hệ chính quy đang học tập tại trường, hiện đang ở trong khu nội trú của trường. SV đăng ký ở nội trú nếu số người có nguyện vọng vào ở nội trú lớn hơn khả năng tiếp nhận của khu nội trú thì thứ tự ưu tiên theo đối tượng HSSV như sau:

- Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, anh hùng lao động, thương binh bệnh binh, người hưởng chính sách như thương binh, SV khuyết tật.

- Con liệt sỹ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách thương binh, con của người có công.

- SV có hộ khẩu thường trú tại vùng cao, vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn.

- Người cha hoặc người mẹ là dân tộc thiểu số.

- Con mồ côi cả cha lẫn mẹ.

- SV là con hộ nghèo, cận nghèo theo quy định hiện hành của Nhà nước.

- SV nữ.

- SV tích cực tham gia các hoạt động do nhà trường, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Hội SV, khu nội trú hoặc các tổ chức xã hội tổ chức.

SVNT phải chịu sự quản lý của nhà trường, có nghĩa vụ thực hiện nghiêm túc các chủ trương, chính sách pháp luật của Nhà nước và Quy định công tác SVNT hiện hành của nhà trường.

Hiện nay đa số sinh viên đều phải đi học xa nhà và số lượng SV ở các trường ĐH, CĐ hiện nay là rất lớn. Do hiện nay các trường ĐH, CĐ đều tập trung ở các thành phố, đất chật, người đông, số phòng ở và cơ sở vật chất kì túc xá của các trường không đáp ứng được nhu cầu nội trú của đa số sinh viên.

Chính vì vậy trong Quy chế HSSV nội trú của Bộ Giáo dục & Đào tạo đã phải có qui định những đối tượng sinh viên được ưu tiên xét duyệt để được ở nội trú tring ký túc xá.

Khi các sinh viên bước chân vào các trường ĐH, CĐ thì đã có sự thay đổi rất lớn về môi trường sống và học tập. Đặc biệt là trong điều kiện xa nhà, phải tự lập, sống trong môi trường thành phố có nhiều sự phức tạp. Và phức tạp hơn nữa là nếu được ở nội trú trong ký túc xá là môi trường tập thể có nhiều mối quan hệ phức tạp. Đây cũng là dịp để thử thách sinh viên trong việc phấn đấu, rèn luyện để trưởng thành về nhân cách. Tuy nhiên thử thách này là vô cùng khó khăn đối với mỗi sinh viên trong thời gian ở nội trú. Các em sẽ rất dễ bị sa ngã vào trong các tệ nạn xã hội, sao nhãng việc học hành nếu không có sự nỗ lực, cố gắng và được sự quan tâm giáo dục của nhà trường. Nhân cách của SV được hình thành, chịu tác động, ảnh hưởng một phần của nhiều yếu tố trong môi trường sống nội trú. Đó là những người sống xung quanh: thầy cô giáo, cán bộ nhân viên, bạn bè xung quanh khu nội trú...

Như vậy, SVNT sống và hoạt động đều trong môi trường tập thể chịu sự kiểm soát của BQL KTX và của nhà trường. Để giúp SVNT có thể hoàn thành tốt việc học tập và rèn luyện trong quá trình học tập tại nhà trường, đòi hỏi mỗi nhà trường cần đặc biệt quan tâm đến việc quản lý công tác SVNT.

1.3. Vị trí, vai trò và cơ sở pháp lý của quản lý công tác sinh viên ở các trường đại học, cao đẳng

1.3.1. Vị trí, vai trò của quản lý công tác sinh viên trong các trường đại học, cao đẳng

Công tác QLSV góp phần hỗ trợ tích cực cho công tác giáo dục và đào tạo của nhà trường trong các trường ĐH, CĐ. Quy chế sinh viên các trường Đại học, CĐ và trung cấp chuyên nghiệp (ban hành kèm theo Quyết định số 42/2007/QĐ-BGDĐT ngày 13/8/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo) xác định rõ công tác sinh viên là một trong những công tác trọng tâm của Hiệu trưởng nhà trường, nhằm đảm bảo thực hiện mục tiêu giáo dục là đào tạo con người Việt Nam phát triển toàn diện, có đạo đức, tri thức, sức khỏe, thẩm mỹ và nghề nghiệp, trung thành với lý tưởng độc lập dân tộc và CNXH; hình thành và

bồi dưỡng nhân cách, phẩm chất và năng lực của công dân; đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Trong lĩnh vực giáo dục nói chung và trong hoạt động đào tạo của các trường ĐH, CĐ nói riêng thì việc QL CTSV là một trong những công tác vô cùng quan trọng của mỗi nhà trường nhằm chăm lo, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho SV trong học tập, nghiên cứu và sinh hoạt. Quản lý tốt CTSV sẽ tạo điều kiện về vật chất, tinh thần, đảm bảo về quyền lợi học tập, đồng thời còn tạo môi trường tốt cho việc rèn luyện phẩm chất đạo đức, nhân cách và tác phong, lối sống cho sinh viên. Đối với SV nội trú thì QL CTSVNT từ các khâu về đảm bảo các điều kiện sinh hoạt và học tập, an ninh trật tự đến các hoạt động giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức và tổ chức phong trào SV qua việc phối kết hợp với các đơn vị, đoàn thể (đoàn thanh niên, hội sinh viên...) sẽ hỗ trợ và tạo điều kiện về vật chất và tinh thần học tập để sinh viên rèn luyện trở thành nguồn nhân lực có thể đáp ứng được nhu cầu công việc của xã hội trong tương lai. Công tác QLSV có ý nghĩa quyết định trong việc đổi mới và phát triển bền vững nhân tố con người. Quản lý SV là mảng công tác trọng tâm thiết yếu của nền giáo dục ĐH trong việc đảm bảo kỷ cương pháp luật của nhà trường và rèn luyện đạo đức của sinh viên.

Kết quả đào tạo của SV được thể hiện qua kết quả học tập các môn học và kết quả rèn luyện trong suốt quá trình học tập ở trường. Trong đó kết quả điểm rèn luyện đóng vai trò quan trọng trong hồ sơ tốt nghiệp của sinh viên. Đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên là đánh giá phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống của từng sinh viên theo các mức điểm đạt được trên các mặt: Ý thức học tập, ý thức và kết quả chấp hành nội quy, quy chế trong nhà trường; ý thức và kết quả tham gia các hoạt động chính trị - xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể thao, phòng chống các tệ nạn xã hội, phẩm chất công dân và quan hệ với cộng đồng; ý thức, kết quả tham gia phụ trách lớp, các đoàn thể, tổ chức khác trong nhà trường hoặc các thành tích đặc biệt trong học tập, rèn luyện của sinh viên.

Chính vì vậy, hoạt động QLSV được coi là một trong những công tác trọng tâm của nhà trường nhằm đảm bảo thực hiện mục tiêu giáo dục là đào tạo con người Việt Nam phát triển toàn diện, có đạo đức, tri thức, sức khỏe, thẩm mỹ, trung thành với lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; hình thành và bồi

dưỡng nhân cách, phẩm chất và năng lực của công dân, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc.

1.3.2. Cơ sở pháp lý của quản lý công tác sinh viên trong trường đại học, cao đẳng

Theo Quy chế HSSV các trường ĐH, CĐ và trung cấp chuyên nghiệp hệ chính quy (Ban hành kèm theo quyết định số 42/2007/QĐ-BGDĐT ngày 13/8/2007 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT) thì công tác QLSV bao gồm các nội dung cơ bản sau:

1) Công tác tổ chức hành chính:

Tổ chức tiếp nhận thí sinh trúng tuyển vào học theo quy định của Bộ GD&ĐT và nhà trường, sắp xếp bố trí vào các lớp SV; chỉ định ban cán sự lớp SV lâm thời (lớp trưởng, lớp phó) trong thời gian đầu khóa học; làm thẻ cho SV; Tổ chức tiếp nhận SV vào ở nội trú; Thống kê, tổng hợp dữ liệu, quản lý hồ sơ của SV; Tổ chức phát bằng tốt nghiệp cho SV; Giải quyết các công việc hành chính có liên quan cho SV

2) Công tác tổ chức, quản lý hoạt động học tập và rèn luyện của SV:

Theo dõi, đánh giá ý thức học tập, rèn luyện của SV; phân loại, xếp loại SV cuối mỗi học kỳ hoặc năm học, khóa học; tổ chức thi đua, khen thưởng cho tập thể và cá nhân SV có thành tích cao trong học tập và rèn luyện; xử lý kỷ luật đối với SV vi phạm quy chế, nội quy; Tổ chức “Tuần sinh hoạt công dân - HSSV” vào đầu khóa, đầu năm và cuối khóa học; Tổ chức cho sinh viên tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học, thi SV giỏi, Olympic các môn học, thi sáng tạo tài năng trẻ và các hoạt động khuyến khích học tập khác; Tổ chức triển khai công tác giáo dục tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống cho SV; tổ chức cho SV tham gia các hoạt động văn hóa văn nghệ và các hoạt động ngoài giờ lên lớp khác; tổ chức đối thoại định kỳ giữa Hiệu trưởng nhà trường với SV; Theo dõi công tác phát triển Đảng trong SV; tạo điều kiện thuận lợi cho SV tham gia tổ chức Đảng, đoàn thể trong trường; phối hợp với Đoàn Thanh Niên Cộng Sản Hồ Chí Minh, Hội SV và các tổ chức chính trị - xã hội khác có liên quan trong các hoạt động phong trào của SV, tạo điều kiện cho SV có môi trường rèn luyện, phấn đấu.

3) Công tác y tế, thể thao:

Tổ chức thực hiện công tác y tế trường học; tổ chức khám sức khỏe cho SV khi vào nhập học; chăm sóc, phòng chống dịch, bệnh và khám sức khỏe định kỳ cho SV trong thời gian học tập theo quy định; xử lý những trường hợp không đủ tiêu chuẩn sức khỏe để học tập; tạo điều kiện cơ sở vật chất cho SV luyện tập thể dục, thể thao; tổ chức cho SV tham gia các hoạt động thể dục, thể thao; tổ chức nhà ăn tập thể cho SV đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

4) Thực hiện các chế độ, chính sách đối với sinh viên:

Tổ chức thực hiện các chế độ chính sách của Nhà nước quy định đối với SV về học bổng, học phí, trợ cấp xã hội, bảo hiểm, tín dụng đào tạo và các chế độ khác có liên quan đến SV; Tạo điều kiện giúp đỡ SV tàn tật, khuyết tật, SV diện chính sách, SV có hoàn cảnh khó khăn.

5) Thực hiện công tác an ninh chính trị, trật tự, an toàn, phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội:

Phối hợp với các ngành, các cấp chính quyền địa phương trên địa bàn nơi trường đóng, khu vực có SV ngoại trú xây dựng kế hoạch đảm bảo an ninh chính trị, trật tự và an toàn cho SV; giải quyết kịp thời các vụ việc liên quan đến SV; Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về an toàn giao thông, phòng chống tội phạm, ma túy, mại dâm, HIV/AIDS và các hoạt động khác có liên quan đến SV; hướng dẫn SV chấp hành pháp luật và nội quy, quy chế; tư vấn pháp lý, tâm lý, xã hội cho SV.

6) Thực hiện công tác quản lý SVNT, ngoại trú:

Tổ chức triển khai thực hiện công tác quản lý SVNT, ngoại trú theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo [3, tr 3-5].

1.4. Nội dung quản lý công tác sinh viên nội trú trong các trường đại học, cao đẳng

1.4.1. Mục tiêu của công tác quản lý công tác sinh viên nội trú trong các trường đại học, cao đẳng

Trong tất cả các cơ sở đào tạo thì mục tiêu cuối cùng của công tác QLSV nói chung và QL CTSVNT nói riêng là tạo cho SV có môi trường và được tham gia các hoạt động bổ ích nhằm phục vụ tốt cho quá trình học tập và rèn luyện để thực hiện mục tiêu đào tạo của nhà trường.

Điều này được thể hiện rất rõ trong Quy chế công tác HSSV nội trú tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành theo Thông tư số 27/2011/TT-BGDĐT ngày 27/6/2011 với những quy định cụ thể về: quyền và nghĩa vụ của học sinh, sinh viên (HSSV) nội trú; nội dung công tác HSSV nội trú; hệ thống tổ chức, quản lý, thi công tác SVNT trong các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân nhằm mục tiêu:

+ Góp phần rèn luyện SV nội trú thực hiện nhiệm vụ của người học theo quy định của Luật giáo dục, điều lệ nhà trường và quy chế cụ thể của từng trường.

+ Xây dựng nề nếp kỷ cương trong việc quản lý SV nội trú: bảo đảm nắm bắt kịp thời thực trạng SV nội trú để từ đó có những biện pháp điều chỉnh kịp thời nhằm hướng các em vào việc thực hiện tốt nhiệm vụ của người học.

+ Ngăn chặn, đẩy lùi, xóa bỏ cơ bản những biểu hiện tiêu cực, không lành mạnh trong SV nội trú, đặc biệt là các tệ nạn xã hội. Sinh viên nội trú xuất thân từ các địa phương khác nhau, có những em ở thành thị, nông thôn, miền núi... khi đến ở khu nội trú có môi trường rất khác biệt, đặc biệt trong giai đoạn hiện nay, môi trường sống phức tạp, thường xuyên chịu ảnh hưởng của những mặt trái của nền kinh tế thị trường, do vậy nguy cơ bị nhiễm các tệ nạn xã hội và có những biểu hiện tiêu cực, không lành mạnh trong SV nội trú là không thể tránh khỏi. Vì vậy, công tác quản lý SV nội trú phải nhằm mục đích là ngăn chặn, đẩy lùi, xóa bỏ cơ bản những biểu hiện tiêu cực không lành mạnh trong SV nội trú, đặc biệt là các tệ nạn xã hội.

1.4.2. Nội dung quản lý công tác sinh viên nội trú

1.4.2.1. Xây dựng kế hoạch công tác sinh viên nội trú

Xây dựng kế hoạch là quá trình ấn định những nhiệm vụ, những mục tiêu và phương pháp tốt nhất để thực hiện những mục tiêu, nhiệm vụ đó.

Xây dựng kế hoạch là phương pháp tiếp cận hợp lý để đạt những mục tiêu định trước, là chức năng cơ bản nhất trong các chức năng quản lý vì nó gắn liền với việc lựa chọn chương trình hành động trong tương lai.

Kế hoạch là văn bản trong đó xác định mục tiêu, mục đích của một tổ chức, cá nhân và những con đường, các biện pháp, cách thức để đạt được mục tiêu, mục đích đó. Chức năng kế hoạch hoá trong QL CTSVNT có nội dung cơ bản là:

- Xác định, hình thành mục tiêu cho việc QL CTSVNT.
- Xác định và đảm bảo các nguồn lực để QL CTSVNT nhằm đạt được mục tiêu quản lý SVNT.
- Hoạch định những hoạt động cần thiết QL CTSVNT đạt được các mục tiêu đó.

Với chức năng và nhiệm vụ quản lý và phục vụ SV nội trú nên công tác kế hoạch của BQL KTX luôn bám sát định hướng phát triển và kế hoạch chung của Trường ĐHSP Hà Nội - cơ sở Hà Nam. Kế hoạch chiến lược, Kế hoạch chiến thuật, kế hoạch tác nghiệp được xây dựng dựa theo các yêu cầu của công tác quản lý SVNT, đó là:

- Tiếp nhận SV vào ở nội trú.
- Công tác quản lý SV nội trú.
- Công tác bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn, phòng chống dịch bệnh và các tệ nạn xã hội trong khu nội trú.
- Các hoạt động hỗ trợ cho SV nội trú.
- Công tác phối hợp.

Ở mỗi công tác trên đều có những nội dung, yêu cầu cụ thể với những mục tiêu, công việc cụ thể theo thời gian, không gian, yêu cầu sản phẩm, người thực hiện...

1.4.2.2. Tổ chức thực hiện các hoạt động của sinh viên nội trú

Tổ chức thực hiện kế hoạch là quá trình sắp xếp và phân phối các nguồn lực để thực hiện các mục tiêu đã đề ra, là sự sắp đặt một cách khoa học cho con người, công việc một cách hợp lý, là sự phối hợp các tác động bộ phận tạo nên một tác động tích hợp mà hiệu quả của nó lớn hơn nhiều so với tổng số các hiệu quả của các tác động thành phần.

Tổ chức thực hiện các hoạt động của SVNT là thu hút mọi người liên quan đến quản lý SVNT triển khai công việc của quản lý SVNT. Thực hiện chức năng này có nghĩa là phải xác lập bộ máy quản lý SVNT và phân công phối hợp các lực lượng trong công tác quản lý SVNT. Công tác tổ chức các hoạt động được thực hiện hiệu quả bằng cách phối hợp nguồn lực, vật lực trong hoạt động hỗ trợ

sinh viên bao gồm việc sắp xếp nhân sự cho từng bước thực hiện để đạt được hiệu quả cao nhất theo kế hoạch đề ra.

1.4.2.3. Chỉ đạo thực hiện các hoạt động của sinh viên nội trú

Đó là quá trình tác động của chủ thể quản lý, sau khi kế hoạch đã được thiết lập, cơ cấu bộ máy được hình thành, nhân sự được tuyển dụng. Chỉ đạo là quá trình liên kết, tập hợp giữa các thành viên trong tổ chức, động viên khuyến khích họ hoàn thành những nhiệm vụ nhất định từ đó đạt được mục tiêu chung của tổ chức trong QL CTSVNT.

Việc chỉ đạo thông qua đầu mối KTX là Trưởng ban Quản lý KTX, có trách nhiệm liên kết, tập hợp các thành viên trong đơn vị của mình, động viên khuyến khích họ hoàn thành những nhiệm vụ về công tác quản lý sinh viên một cách trách nhiệm, hiệu quả trên cơ sở kế hoạch và tổ chức thực hiện của BQL KTX.

1.4.2.4. Kiểm tra, đánh giá các hoạt động của sinh viên nội trú

Kiểm tra, đánh giá là chức năng cuối cùng của quản lý. Kiểm tra là một chức năng có liên quan đến mọi cấp quản lý để đánh giá đúng kết quả hoạt động của hệ thống, đo lường các sai lệch nảy sinh trong quá trình hoạt động so với các mục tiêu và kế hoạch đã định, có kế hoạch tiếp tục hướng dẫn việc sử dụng các nguồn lực để hoàn thành các mục tiêu và kiểm tra xác định xem chúng hoạt động có phù hợp với mục tiêu và kế hoạch hay không.

Mục đích của kiểm tra nhằm đảm bảo cho kế hoạch thành công, phát hiện kịp thời những sai sót, tìm ra nguyên nhân và biện pháp sửa chữa kịp thời những sai sót đó. Quá trình kiểm tra phổ biến cho mọi hệ thống gồm 3 bước:

- Bước 1: Xây dựng các chỉ tiêu
- Bước 2: Đo lường việc thực hiện nhiệm vụ theo các chỉ tiêu
- Bước 1: Đánh giá các chỉ tiêu so với kế hoạch

Kiểm tra việc thực hiện việc QL CTSVNT nhằm cung cấp cho nhà trường và địa phương các thông tin cần thiết để đánh giá đúng tình hình của SV nội trú và kết quả hoạt động của bộ máy quản lý SVNT, đồng thời dự kiến quyết định bước phát triển mới cho công tác SVNT.

Việc đánh giá QL CTSVNT cũng cần có quan điểm toàn diện, nghĩa là phải xem xét trên tất cả các mặt của công tác quản lý. Mỗi biện pháp quản lý thường đưa đến kết quả trên nhiều mặt và biểu hiện qua những khoảng thời gian nhất định. Do đó, phải tìm ra quan hệ bản chất của các kết quả QL CTSVNT đang thực hiện với các biện pháp trước đó.

Kiểm tra, đánh giá việc thực hiện QL CTSVNT phải có sự phối hợp của nhiều lực lượng trong và ngoài nhà trường. Muốn thực hiện tốt công việc này rất cần phải có kế hoạch cụ thể và quyết tâm cao của các nhà trường.

1.4.2.5. Phối hợp các tổ chức đoàn thể trong và ngoài nhà trường tổ chức các hoạt động của sinh viên nội trú

Chủ động phối hợp với cơ quan công an, chính quyền địa phương để thực hiện có hiệu quả các biện pháp, phương án bảo đảm an ninh chính trị và trật tự an toàn khu nội trú, xử lý kịp thời các vụ việc liên quan xảy ra trong khu nội trú.

Phối hợp với tổ chức Đoàn TNC S Hồ Chí Minh, Hội Sinh viên Việt Nam, Hội Liên hiệp thanh niên Việt Nam (nếu có) và các tổ chức đoàn thể khác trong trường để tổ chức các hoạt động rèn luyện cho SVNT, thực hiện nếp sống văn minh trong khu nội trú.

1.5. Những yếu tố ảnh hưởng đến quản lý công tác sinh viên nội trú ở trường đại học, cao đẳng

1.5.1. Môi trường xã hội

Sau một chặng đường dài dưới sự lãnh đạo đổi mới của Đảng, đời sống chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội đất nước có những thay đổi to lớn. Đó là, sự ổn định về chính trị ổn, kinh tế có những bước tăng trưởng nhất định, văn hóa xã hội có tiến bộ trên nhiều mặt, đời sống vật chất và tinh thần của người dân được cải thiện, nâng cao. Việc đầu tư cho giáo dục không ngừng tăng lên. Đồng thời chủ trương xã hội hóa giáo dục nhận được sự đồng tình, ủng hộ của toàn xã hội. Điều kiện sống và học tập của SV không ngừng được cải thiện.

Tuy nhiên bên cạnh những thuận lợi kể trên, cũng tồn tại không ít những hạn chế có ảnh hưởng tiêu cực đến công tác giáo dục và đào tạo. Đặc biệt trong thời kỳ mở cửa, hội nhập kinh tế thế giới, sự bùng nổ của công nghệ thông tin.

Mặt trái của nền kinh tế thị trường đã hình thành lối sống chạy theo đồng tiền khiến mối quan hệ gắn bó giữa những người thân trong gia đình, giữa cá nhân với cá nhân, giữa cộng đồng với cá nhân ngày càng kém khăng khít, các cá nhân có xu hướng sống biệt lập, chỉ biết mình. Môi trường xã hội xuất hiện một loạt những tệ nạn nảy sinh: nạn cờ bạc, rượu chè, ma túy, mại dâm... Tất cả những điều này ảnh hưởng rất nghiêm trọng đến tầng lớp trẻ nói chung và SV nói riêng - những người đang trong giai đoạn hình thành và phát triển nhân cách, do không được quan tâm đúng mức nên đã hình thành những suy nghĩ, hành động lệch chuẩn.

Đất nước mở cửa hội nhập kéo theo những biến động về hệ thống các giá trị truyền thống về đạo đức, về bản sắc văn hóa với sự du nhập của nhiều thang giá trị và nhiều luồng văn hóa. Thanh niên nói chung và SV nói riêng dễ bị choáng ngợp trước những điều mới lạ, khó xác định được đâu là những tinh hoa văn hóa cần phải tiếp thu và với sức đề kháng còn yếu khiến những luồng văn hóa ngoại lai rất dễ xâm nhập.

Đối với mỗi trường ĐH, CĐ cụ thể khi đóng trên địa bàn ở những địa phương khác nhau cũng có những môi trường khác nhau. Có những địa phương có môi trường xã hội tốt, có truyền thống văn hóa, tình hình an ninh trật tự ổn định. Ngược lại có những địa bàn tình hình an ninh trật tự phức tạp, nhiều tiêu cực, tệ nạn xã hội phức tạp xảy ra ảnh hưởng rất lớn đến công tác quản lý sinh viên nói chung SVNT nói riêng.

Toàn bộ môi trường xã hội trên với những mặt tích cực và tiêu cực của nó đang từng ngày từng giờ ảnh hưởng trực tiếp và gián tiếp tới SV nói chung và SVNT nói riêng. Vì vậy mục tiêu của các nhà quản lý là phải làm sao hạn chế tới mức thấp nhất những tác động tiêu cực để SV chuyên tâm vào công việc học tập và rèn luyện vì mục tiêu giáo dục của đất nước.

1.5.2. Cơ chế, chính sách liên quan đến công tác quản lý sinh viên nội trú

1.5.2.1. Chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế hiện nay, kinh tế nước ta phát triển theo cơ chế thị trường, đất nước mở cửa, hội nhập với thế giới, sự nghiệp giáo dục cũng đang đổi mới mạnh mẽ. Đảng và Nhà nước ta đã dành cho

giáo dục nhiều sự quan tâm đặc biệt. Trong đó vấn đề đổi mới giáo dục luôn luôn được quan tâm sâu sắc.

Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực đã từng được khẳng định trong các văn kiện Đảng. Đặc biệt, trong Nghị quyết số 29 của Hội nghị Trung ương 8 (khóa XI) khẳng định đây không chỉ là quốc sách hàng đầu, là “chìa khóa” mở ra con đường đưa đất nước tiến lên phía trước, mà còn là “mệnh lệnh” của cuộc sống.

Văn kiện Đại hội XII khẳng định, kế thừa quan điểm chỉ đạo của nhiệm kỳ trước, Đảng ta đưa ra đường lối đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực. Đồng thời, khẳng định: Giáo dục, đào tạo và khoa học, công nghệ là quốc sách hàng đầu; đầu tư cho giáo dục, đào tạo và khoa học, công nghệ là đầu tư cho phát triển. Phát triển giáo dục và đào tạo nhằm nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, gắn với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, với tiến bộ khoa học, công nghệ, yêu cầu phát triển nguồn nhân lực và thị trường lao động. Chuyển mạnh quá trình giáo dục chủ yếu từ trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học; học đi đôi với hành, lý luận gắn với thực tiễn. Đây là tiêu điểm của sự phát triển, mang tính đột phá, khai mở con đường phát triển nguồn nhân lực Việt Nam trong thế kỷ XXI, khẳng định triết lý nhân sinh mới của nền giáo dục nước nhà “dạy người, dạy chữ, dạy nghề”.

Quan điểm chỉ đạo của Đảng đã được cụ thể hóa bằng hệ thống các chính sách theo hướng ưu tiên, tạo môi trường thuận lợi cho giáo dục phát triển. Các chính sách này tập trung vào các vấn đề như chính sách đầu tư, học phí và phát triển hệ thống, mạng lưới các trường lớp, các chính sách đảm bảo công bằng xã hội trong giáo dục, ưu tiên phát triển giáo dục vùng dân tộc và các vùng khó khăn; đổi mới giáo dục toàn diện từ nội dung, phương pháp dạy và học, hệ thống trường lớp và hệ thống quản lý giáo dục, chính sách đối với giáo viên và người học; cải tiến cơ chế phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội; thực hiện cải cách hành chính, hợp tác quốc tế trong giáo dục. Đặc biệt chủ trương xã hội hóa giáo dục đã

khuyến khích cộng đồng, các tổ chức đoàn thể, các doanh nghiệp và cá nhân trong nước, ngoài nước cùng chung tay phát triển sự nghiệp giáo dục Việt Nam.

Liên quan đến SV và SVNT nói riêng, chính sách của Nhà nước về học bổng, học phí, tín dụng đào tạo, hỗ trợ việc làm, các chính sách khuyến khích SV học tập và nghiên cứu khoa học... là những chính sách thiết thực đã có tác động tích cực đến cuộc sống của SV, tạo môi trường học tập thuận lợi cho SV. Đặc biệt, trong những năm vừa qua một số trường ĐH, CĐ đã được phép xây dựng các nhà ở cho sinh viên trong khu ký túc xá bằng nguồn vốn của trái phiếu Chính phủ. Đây là cơ hội rất tốt cho nhiều trường còn khó khăn về cơ sở vật chất có điều kiện, bổ sung, nâng cấp về phòng ở cũng như các điều kiện phục vụ khác cho SVNT.

Tuy nhiên, cho đến nay hệ thống chính sách này vẫn còn nhiều bất cập, chưa tạo ra bước đột phá trong việc góp phần giải quyết mâu thuẫn lớn của giáo dục hiện nay giữa một bên là yêu cầu cao về phát triển quy mô và nâng cao chất lượng và một bên là điều kiện còn hạn hẹp về các nguồn lực tài chính, nhân lực. Đặc biệt việc thực hiện cơ chế tự chủ cho các trường ĐH, CĐ hiện nay đang còn gặp nhiều lúng túng. Xét trong phạm vi liên quan đến SV nói chung và SVNT nói riêng, chính sách của Nhà nước còn thiếu và yếu. SV còn gặp nhiều khó khăn trong môi trường sống, học tập và nghiên cứu khoa học.

1.5.2.2. Việc tổ chức thực hiện cơ chế, chính sách về QL CTSVNT của nhà trường

Liên quan đến nghĩa vụ, quyền lợi của sinh viên, có rất nhiều những văn bản về pháp luật, nghị định, quyết định, thông tư liên quan đến chế độ, chính sách của Nhà nước, Chính phủ, các bộ, ngành... đối với HSSV. Tuy nhiên ở mỗi một cơ sở giáo dục, việc thực hiện chế độ chính sách lại có rất nhiều sự khác biệt về cách vận dụng, cách điều hành tổ chức...

Việc vận dụng và tổ chức thực hiện cơ chế, chính sách liên quan đến công tác sinh viên của mỗi trường sẽ ảnh hưởng rất nhiều đến chất lượng quản lý CTSV nói chung và QL CTSVNT nói riêng. Đối với những trường có sự vận dụng triệt để và có cách tổ chức điều hành tốt việc thực hiện thì SV sẽ được thể hiện hết nghĩa vụ và được hưởng hết các quyền lợi của SV, các em sẽ có được môi trường phấn đấu rèn luyện và học tập tốt, các em sẽ yên tâm và không phải băn khoăn lo

lắng về nghĩa vụ và quyền lợi của bản thân mình. Ngược lại nếu như một nhà trường ít quan tâm và tổ chức điều hành triển khai kém các quy định về nghĩa vụ, quyền lợi của sinh viên thì sẽ dẫn đến tình trạng sinh viên bị thiệt thòi, có nhiều sự bức xúc, không yên tâm trong quá trình học tập và rèn luyện. Dẫn đến sẽ ảnh hưởng rất lớn đến chất lượng QL CTSVNT. Việc thực hiện cơ chế, chính sách liên quan đến sinh viên của mỗi trường có hiệu quả hay không, là do nhận thức và năng lực, phẩm chất của các cấp lãnh đạo, quản lý của nhà trường.

Liên quan đến QL CTSVNT, đầu mối chính là BQL KTX (hoặc nội trú), ở mỗi trường cũng có những cơ chế quản lý khác nhau giữa các cấp lãnh đạo sự phối kết hợp giữa các bộ phận liên quan trong và ngoài nhà trường cũng có sự khác biệt. Có những nhà trường quan tâm đầu tư rất lớn về nhân sự, cơ sở vật chất và có cơ chế quản lý cụ thể rõ ràng, giao quyền tự chủ cao cho BQL KTX, có những quy định cụ thể về sự phối kết hợp trong việc QL CTSVNT đối với các đơn vị.

1.5.3. Nhận thức và năng lực, phẩm chất của lực lượng tham gia

Nhận thức của các lực lượng tham gia công tác quản lý SV được đánh giá bởi các vấn đề: Nhận thức của lãnh đạo, CBQL, GV về sự cần thiết của công tác quản lý SV; SV hiểu thế nào về công tác QL; ý nghĩa, vai trò của công tác quản lý HSSV trong bối cảnh hiện nay; vai trò của các tổ chức Đoàn thanh niên, Hội sinh viên các trường; vai trò trách nhiệm của gia đình và xã hội; mối quan hệ giữa gia đình - nhà trường - xã hội.

Bên cạnh việc nhận thức thì vấn đề năng lực và phẩm chất của lực lượng tham gia quản lý công tác SVNT có tính quyết định chính đến thành công của các hoạt động QL CTSVNT.

Trước tiên là năng lực và phẩm chất quản lý của đội ngũ lãnh đạo nhà trường, của cán bộ quản lý khu nội trú, cán bộ quản lý các đơn vị có liên quan được thể hiện ở việc nắm vững các nội dung, phương pháp công tác sinh viên nội trú và khả năng xây dựng kế hoạch, khả năng tổ chức, khả năng chỉ đạo và kiểm tra đánh giá các hoạt động theo các nội dung của công tác sinh viên nội trú. Bên cạnh đó những nhà quản lý này phải có phẩm chất chính trị vững vàng, lối

sòng đạo đức trong sáng, lành mạnh, tâm huyết, nhiệt tình, trách nhiệm, năng động, sáng tạo trong mọi công việc.

Tiếp theo đó là năng lực và phẩm chất của đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên, đặc biệt là nhân viên trực tiếp thực hiện các nhiệm vụ ở BQL KTX phải có chuyên môn sâu, nghiệp vụ tinh thông về lĩnh vực mình phụ trách như: Công tác tiếp nhận, quản lý hồ sơ, thực hiện các thủ tục hành chính, pháp lý, phân công, bố trí, sắp xếp phòng ở...; công tác bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn, phòng chống dịch bệnh và các tệ nạn xã hội trong khu nội trú; các hoạt động hỗ trợ cho HSSV nội trú... Tất cả các vị trí việc làm này đều rất cần phải có đội ngũ cán bộ, nhân viên có chuyên môn và năng lực phù hợp với từng vị trí công việc, đồng thời ở mỗi cương vị khác nhau rất cần phải có tinh thần nhiệt tình, trách nhiệm và phẩm chất đạo đức tốt, tư thế, tác phong chuẩn mực Bởi vì trong môi trường sư phạm đòi hỏi tất cả mọi người tham gia công tác quản lý, giáo dục và phục vụ công tác đào tạo đều phải có những phẩm chất mô phạm để sinh viên noi theo.

Tuy nhiên, trong thực tế, nhận thức và năng lực, phẩm chất của các lực lượng tham gia không đồng đều, việc tham gia của các lực lượng này khác nhau. Vì vậy, đòi hỏi các nhà quản lý cần có sự tuyên truyền, vận động, hướng dẫn và khuyến khích kịp thời các lực lượng tham gia thì công tác SVNT mới được nâng tầm và hiệu quả sẽ đáp ứng được nhu cầu và mục tiêu đề ra.

1.5.4. Điều kiện trang thiết bị, cơ sở vật chất phục vụ

Khu nội trú phải có các điều kiện, tiện nghi tối thiểu bảo đảm nhu cầu ở, học tập, sinh hoạt của HSSV nội trú; thiết bị phòng cháy, chữa cháy và bảo vệ môi trường.

Các điều kiện về cơ sở vật chất cũng có vai trò rất quan trọng và tác động lớn đến hiệu quả của công tác QLSV nội trú. Bên cạnh việc đảm bảo về số lượng và chất lượng các phòng ở cho sinh viên với những yêu cầu về trang thiết bị trong phòng phải đảm bảo đầy đủ như giường ngủ, nhà vệ sinh, ánh sáng, quạt mát... khu nội trú còn phải có đầy đủ cơ sở vật chất, thiết bị phục vụ cho sinh hoạt và học tập hằng ngày của các em như: Phòng sinh hoạt chung, hội trường lớn, ti vi, internet, căng tin, nhà ăn, phòng y tế, chỗ gửi xe, vườn hoa, sân chơi, bãi tập, nhà thi đấu thể dục thể thao, và hệ thống điện nước....

Hệ thống cơ sở vật chất phục vụ cho QL CTSVNT hiện nay của nhiều trường chủ yếu dựa trên các nguồn kinh phí tự thu của SVNT. Các khu phòng ở và các khu vực phục vụ cho sinh hoạt, học tập theo thời gian hằng năm sẽ bị xuống cấp đòi hỏi phải có sự đầu tư một nguồn kinh phí rất lớn để tu bổ, sửa chữa. Vì vậy đòi hỏi phải có sự quan tâm sát sao của lãnh đạo và các cấp quản lý nhà trường trong việc huy động và sử dụng các nguồn vốn khác nhau thì mới đảm bảo được đầy đủ các điều kiện về cơ sở vật chất - kỹ thuật phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt và học tập của sinh viên khu nội trú.

Tiểu kết chương 1

Mục tiêu của QL CTSVNT hướng vào mục tiêu đào tạo chung của nhà trường và hình thành nhân cách, phẩm chất và năng lực người học, giúp họ tự chủ, sáng tạo và có kỷ luật, giàu lòng nhân ái, sống lành mạnh, có kiến thức văn hoá, khoa học, công nghệ, kỹ năng nghề nghiệp, có sức khoẻ... đóng góp vào sự phát triển chung của đất nước.

Để đạt được mục tiêu trên đòi hỏi của QL CTSVNT trong các trường cần được coi trọng và triển khai thực hiện một cách khoa học, nghiêm túc. Ở chương 1 của luận văn này, chúng tôi đã nghiên cứu, tìm hiểu về các vấn đề: các khái niệm cơ bản, vị trí, vai trò, nội dung của công tác QLSV và các chủ thể liên quan, xác định mục tiêu của QL CTSVNT, các yếu tố ảnh hưởng đến việc QL CTSVNT, đã cho thấy tương đối đầy đủ cơ sở lý luận về QL CTSVNT. Những cơ sở lý luận này làm nền tảng và định hướng cho việc tìm hiểu thực trạng cũng như đề xuất các giải pháp cho QL CTSVNT tại Trường ĐHSP Hà Nội - cơ sở Hà Nam trong bối cảnh hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đặng Quốc Bảo, Nguyễn Văn Bình, Nguyễn Quốc Chí (1999), *Khoa học tổ chức và quản lý*. Nxb Thống kê, Hà Nội.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2005), *Tìm hiểu Luật Giáo dục năm 2005*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2007), *Quy chế học sinh, sinh viên trong các trường ĐH, Cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp hệ chính quy*. Vụ Công tác học sinh - sinh viên, Hà Nội.
4. Bộ Giáo dục và Đào tạo (1997), *Quy chế công tác HSSV nội trú trong các trường ĐH, CĐ, THCN và dạy nghề*. số 2137/GD-ĐT ngày 28/6/1997.
5. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2011), *Quy chế HSSV nội trú tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân*. số 27/2011/TT-BGDĐT ngày 27/6/2011.
6. Nguyễn Quốc Chí và Nguyễn Thị Mỹ Lộc (2004), *Cơ Sở khoa học quản lý, tài liệu dành cho học viên cao học QLGD*. Khoa Sư phạm - ĐH Quốc gia Hà Nội.
7. Nguyễn Quốc Chí - Thị Mỹ Lộc (2014), *Đại cương khoa học quản lý*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
8. Phạm Khắc Chương (2004), *Lý luận quản lý giáo dục đại cương (Giáo trình)*. Nxb ĐH Sư phạm, Hà Nội.
9. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
10. Đảng Cộng sản Việt Nam (2013), *Nghị quyết Hội nghị lần thứ 8, Ban Chấp hành Trung ương khóa XI (Nghị quyết số 29-NQ/TW)*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
11. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
12. Vũ Cao Đàm (2006), *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*. Nxb Khoa học và Kỹ thuật.
13. Nguyễn Minh Đạo (1997), *Cơ sở khoa học quản lý*. Nxb chính trị quốc gia HN.
14. Phạm Minh Hạc (1996), *Một số vấn đề về giáo dục và khoa học giáo dục*. Nxb Giáo dục Hà Nội.
15. Đặng Xuân Hải (2012), *Quản lý giáo dục, quản lý nhà trường trong bối cảnh thay đổi*. NXB Giáo dục.

16. Trần Kiểm (2010), *Khoa học tổ chức và quản lý trong giáo dục*. Nxb ĐH Sư phạm, Hà Nội.
17. Trần Kiểm (2007), *Tiếp cận hiện đại trong quản lý giáo dục*. Nxb ĐH Sư phạm, Hà Nội.
18. Trần Kiểm (2008), *Những vấn đề cơ bản của khoa học quản lý giáo dục*. Nxb ĐH Sư phạm Hà Nội.
19. Đặng Bá Lãm (2005), *Quản lý Nhà nước về giáo dục - lý luận và thực tiễn*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
20. Phan Thanh Long (2007), *Những vấn đề chung của giáo dục học*. Nxb ĐH Sư phạm, Hà Nội.
21. Nguyễn Thị Mỹ Lộc và Trần Thị Bạch Mai (2009), *Quản lý nguồn nhân lực Việt Nam*. Nxb Giáo dục, Hà Nội
22. Nguyễn Thị Mỹ Lộc (2012), *Quản lý giáo dục, một số vấn đề lý luận và thực tiễn*. Nxb ĐHQG Hà Nội.
23. Quốc hội khóa XI (2005), *Luật giáo dục. Số 38/2005/QH11 ngày 14/6/2005..*
24. Nguyễn Bá Sơn (2000), *Một số vấn đề cơ bản về khoa học quản lý*.

NXB Chính trị

25. Dương Thiệu Tống (2005), *Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục*. NXB KHXH.
26. Trường CĐSP Hà Nam (2015), *Dự thảo báo cáo hội nghị cán bộ - viên chức năm học 2015-2016*.
27. Trường CĐSP Hà Nam (2010), *Sổ tay công tác học sinh sinh viên*.
28. Trường CĐSP Hà Nam (2010), *Quy chế HSSV Nội trú*.
29. Viện Ngôn ngữ học (2004), *Từ điển Tiếng Việt*. Nhà xuất bản Đà Nẵng - Trung tâm từ điển học .
30. Viện nghiên cứu phát triển giáo dục (2002), *Chiến lược phát triển giáo dục trong thế kỉ XXI kinh nghiệm của quốc gia..* NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
31. Hồ Văn Vĩnh (2005), *Khoa học quản lý*. Nxb Lý luận chính trị.
32. Phạm Viêt Vượng (1997), *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
33. Phạm Viêt Vượng (2011), *Giáo dục học*. Nxb ĐH Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.